

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 33 CT/BCTN
"V/v: Công bố thông tin"

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015 CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Sông Đà 2
- Tên tiếng Anh : Song Da 2 Joint Stock Company
- Tên viết tắt : Song Đà 2 JSC
- Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 0500236821
- Vốn điều lệ : 144.235.360.000 đồng.
- Địa chỉ : Km10, đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội.
- Điện thoại : 0433.510 542
- Fax : 0433.828 255
- Website : www.songda2.com.vn
- Mã cổ phiếu : SD2

2. Quá trình hình thành và phát triển:

2.1 Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Sông Đà 2 tiền thân là Công ty Xây dựng dân dụng thuộc Tổng công ty Xây dựng thủy điện Sông Đà (nay là Tổng công ty Sông Đà), được thành lập ngày 01 tháng 02 năm 1980 có nhiệm vụ xây dựng nhà ở cho cán bộ chuyên gia Liên Xô, CBCNV Việt Nam trên công trường Thủy điện Sông Đà và hoàn thiện toàn bộ phần Nhà máy Thủy điện Hoà Bình. Sau đó Công ty được đổi tên là Công ty Xây dựng Sông Đà 2 rồi Công ty Sông Đà 2. Theo Quyết định số 2334/QĐ-BXD ngày 19/12/2005 của Bộ trưởng Bộ xây dựng, Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Sông Đà 2.

- Công ty Cổ phần Sông Đà 2 chính thức được hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 03 năm 2006 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0500236821 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp; thay đổi lần thứ 10 ngày 02/02/2016.
- Ngày 30/11/2007, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SD2 theo Quyết định số 360/QĐ-TTGDCKHN của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội).
- Ngày 06/10/2008 Công ty phát hành cổ phiếu cho các đối tác chiến lược và các Nhà đầu tư nhỏ lẻ để tăng vốn điều lệ của công ty từ 35 tỷ đồng lên 48,54 tỷ đồng.
- Ngày 22/10/2008 Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 09/03/2010 Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 48,53 tỷ đồng lên 70 tỷ đồng cho các cổ đông hiện hữu và CBCNV Công ty.
- Ngày 26/03/2010 Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 19/11/2010 Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng cho Cổ đông hiện hữu và CBCNV Công ty.
- Ngày 30/12/2010 Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 15 tháng 12 năm 2014 Công ty phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần, thực hiện sáp nhập Công ty cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà vào Công ty cổ phần Sông Đà 2. Tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 144 tỷ đồng.
- Ngày 15/01/2015 Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2.2 Các sự kiện khác:

- Trong quá trình hoạt động Công ty Cổ phần Sông Đà 2 đã tham gia xây dựng nhiều công trình lớn như: Nhà máy Thủy điện Hòa Bình; Thủy điện Yaly; Thủy điện Sê San 3; Thủy điện Tuyên Quang; Thủy điện Sơn La; Thủy điện Bán Vẽ; Đường dây 500KV; Đường Láng Hòa Lạc; Quốc lộ 1A đoạn Hà Nội Bắc Ninh; Nhà khách Dân tộc; Học viên Bru chính viễn thông; Đại học Quốc Gia; Dự án đô thị Orange Garden; Mở rộng Quốc Lộ 1 đoạn Phú Yên; Đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi....
- Trong lĩnh vực đầu tư Công ty Cổ phần Sông Đà 2 đã được các cơ quan quản lý Nhà nước tin tưởng giao cho làm Chủ đầu tư một số dự án có tiềm năng đã được Công ty triển khai hoàn thành cũng như đang triển khai đã và sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao như: Khu nhà ở Vạn Phúc – Hà Đông – Hà Nội; Khu đô thị Hồ Xương Rồng - Thành

phố Thái Nguyên; Khu nhà ở liền kề Thành phố Hoà Bình; Dự án Khu đô thị mới Phú Lương – Hà Đông...

- Hiện nay Công ty có trên 100 đầu xe máy thiết bị với nguyên giá 249 tỷ đồng, các máy móc thiết bị của công ty đang được sử dụng hiệu quả tại các công trình như: Thủy điện Bản Vẽ; Thủy điện Xêkaman1; Thủy điện Hà Tây – Gia Lai; Xây dựng khu tái định cư Thủy điện Trung Sơn; Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18; Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Phú Yên; Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng; Công trình cải tạo và nâng cấp Quốc Lộ 1A đoạn Phú Yên; Công trình đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi...
- Công ty hiện nay có lực lượng cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và công nhân lành nghề trên 965 người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và luôn đoàn kết, gắn bó trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.
- Với những thành tích đạt được trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã được Đảng, Nhà Nước và các Bộ, ngành tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý như:
 - + Nhiều bằng khen của Chính phủ.
 - + 01 Huân chương độc lập hạng 3.
 - + 01 Huân chương độc lập hạng 2
 - + 01 Huân chương lao động hạng nhất.
 - + 02 Huân chương lao động hạng 2.
 - + 04 Huân chương lao động hạng 3.
 - + 30 huy chương vàng công trình xây dựng đạt chất lượng cao.
 - + Cờ đơn vị xuất sắc Ngành xây dựng năm 2008; 2009; 2010; 2011; 2013 và nhiều bằng khen của Bộ xây dựng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện, nhiệt điện;
- Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản;
- Thi công cọc khoan nhồi, đóng ép cọc;
- KD doanh nhà, đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp và vận tải;
- Sửa chữa cơ khí, ô tô, xe máy;
- Sản xuất, khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, bê tông thương phẩm, bê tông nhựa nóng;
- Trang trí nội thất;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng cơ giới và công nghệ xây dựng;

- Lắp đặt thiết bị cơ điện, nước, thiết bị công nghiệp, đường dây và trạm biến áp điện, kết cấu và các kết cấu phi tiêu chuẩn;
- Xây dựng đường dây tải điện, trạm biến thế điện đến 220V;
- Nạo vét và bồi đắp mặt bằng nền công trình, thi công các loại móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn;
- Xây dựng Công trình giao thông: đường bộ, sân bay, bến cảng;
- Xây dựng công trình Thủy lợi: Đê, đập, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu;
- Xây dựng các công trình thủy điện;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng đô thị;

3.2. Địa bàn kinh doanh: Trong những năm gần đây Công ty đang tập trung thi công chính tại các địa bàn như:

- Khu vực Hà Nội và các vùng lân cận (Dự án điểm thông quan nội địa Thành phố Hà Nội; Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Orange Garden; Dự án Khu đô thị Nam An Khánh; Sản xuất bê tông Asphalt tại Đông Anh; Cải tạo nâng cấp Quốc Lộ 18-đoạn Ông Bí - Hạ Long - Quảng Ninh;.....)
- Khu vực Miền Trung - Tây Nguyên: (Công trình Thủy điện Bản Vẽ tại Nghệ An; Thủy điện Hương Sơn tại Hà Tĩnh; Đường vào Nhà máy Thủy điện Trung Sơn; Khu tái định cư Thủy điện Trung Sơn tại Thanh Hóa; Công trình mở rộng Quốc Lộ 1 đoạn từ Km1265+000 ÷ 1353+300, tỉnh Phú Yên; Công trình Thủy điện Hà Tây - Gia Lai; Công trình đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi)
- Khu vực Thái Nguyên và các vùng lân cận (Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng tại Thái Nguyên; Ký túc xá Trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật tại Thái Nguyên...)
- Tại Nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào: Sản xuất kinh doanh Đá và cát xây dựng tại Công trình Thủy điện Xekaman1...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản trị:

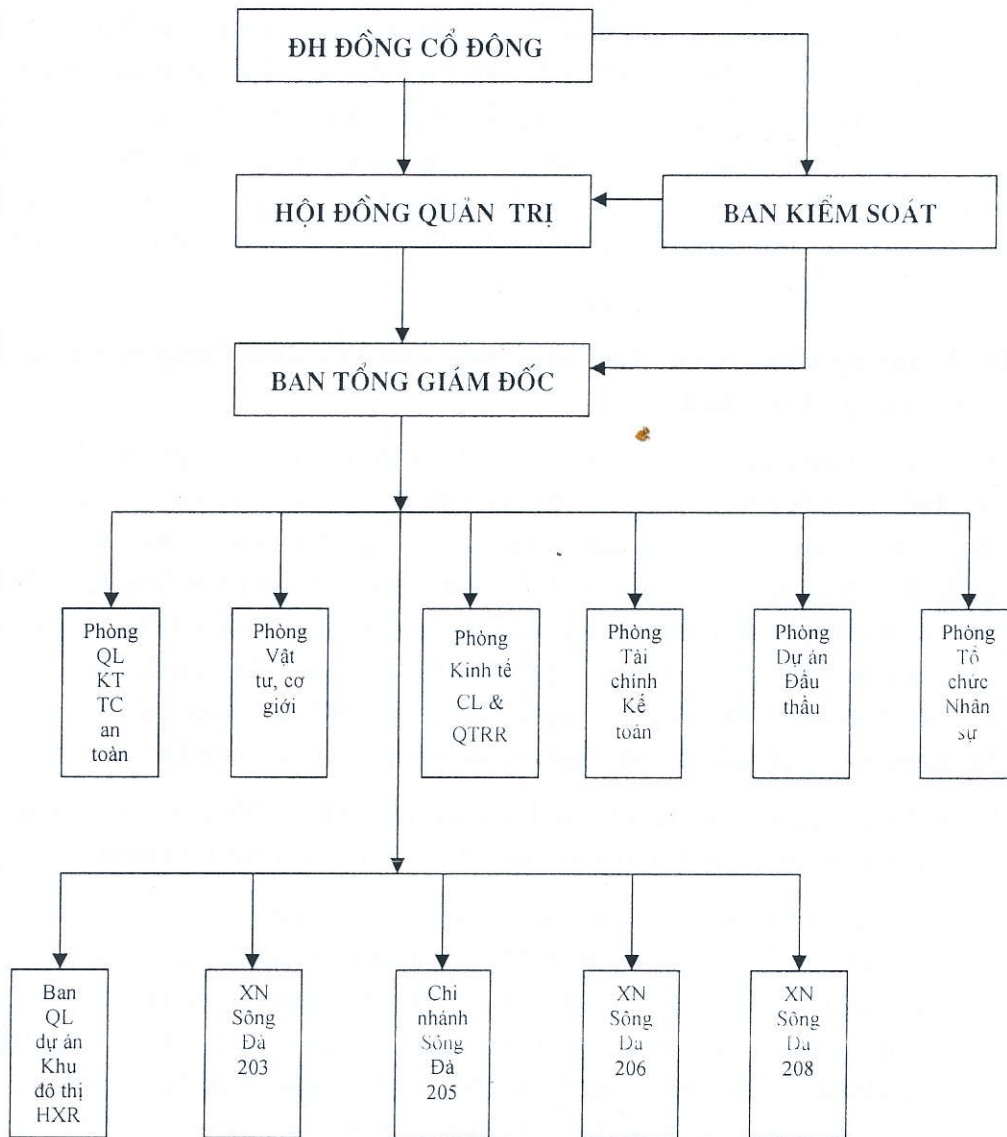
4.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy của Công ty cổ phần Sông Đà 2: (Thời điểm ngày 31/12/2015)

- Hội đồng quản trị Công ty : 05 thành viên.
- Ban kiểm soát Công ty : 03 thành viên.
- Ban lãnh đạo Công ty : Tổng giám đốc và 04 Phó Tổng giám đốc.
- 07 Phòng ban Công ty: Phòng Tổ chức- Nhân sự; Phòng Vật tư-Cơ giới; Phòng Dự án - Đấu thầu; Phòng Kinh tế chiến lược và quản trị rủi ro; Phòng Quản lý kỹ Thuật-Thi công an toàn; Phòng Tài chính-Kế toán; Ban Kiểm soát nội bộ.
- 05 Chi nhánh, Xí nghiệp trực thuộc: Chi nhánh Sông Đà 205; Xí nghiệp Sông Đà 206; Xí nghiệp Sông Đà 208; Xí nghiệp Sông Đà 2.03.

- 01 Ban Quản lý: Ban quản lý DA khu đô thị Hồ Xương Rồng-Thái Nguyên.

4.2. Sơ đồ tổ chức của Công ty:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2



4.3. Các công ty con, công ty liên kết: (Công ty Con - Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sông Đà)

- Địa chỉ : Km10, đường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Đông, Hà Nội.
- Số điện thoại : 0433 511803; Số Fx: 0433 511803
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000154 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2004, Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21 tháng 07 năm 2010 theo mã số doanh nghiệp 0500447798 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp; Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23 tháng 01 năm 2015 Chuyển đổi từ

Công ty cổ phần công trình giao thông Sông Đà, ngày cấp chuyển đổi ngày 22/01/2015.

- Ngành nghề hoạt động: Khai thác, chế biến các loại đá phục vụ xây dựng và công trình giao thông, thi công xây lắp các công trình giao thông đường bộ, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện; Kinh doanh nhà, đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp và vận tải; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Sản xuất, lắp đặt kết cấu xây dựng và kết cấu cơ khí công trình; Sản xuất gạch ngói, tấm lợp, đá ốp lát; Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng; Lắp đặt thiết bị cơ điện, nước, thiết bị công nghệ, trang trí nội thất; Nạo vét và bồi đắp mặt đường, nền móng công trình; Thi công nền móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn; Sửa chữa xe máy thiết bị; Đầu tư các công trình vừa và nhỏ.
- Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng (Bốn lăm tỷ đồng);

5. Định hướng phát triển: Các mục tiêu chủ yếu của Công ty và chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Xây dựng Công ty Cổ phần Sông Đà 2 thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, ổn định, là một doanh nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, xây dựng dân dụng – công nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng; Có trình độ công nghệ cao, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ và nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và sự phát triển lớn mạnh của Tổng công ty Sông Đà.
- Hoạt động hiệu quả về tài chính: Luôn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có lợi nhuận thực dương và tăng trưởng dần đều, lành mạnh về tài chính.
- Thu hút và phát triển nhân lực chất lượng cao: Để đạt được những mục tiêu đề ra phụ thuộc vào việc thu hút được một đội ngũ nhân sự mạnh và có năng lực tại tất cả các cấp bậc trong Công ty, từ cấp điều hành cao nhất có vai trò lãnh đạo các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, cho đến đội ngũ lãnh đạo nghiệp vụ và nhân sự phụ trách việc quản lý các nghiệp vụ và chức năng then chốt, cho tới các lãnh đạo cấp trung và nhân viên có trách nhiệm triển khai kế hoạch chiến lược và vận hành trong điều kiện cạnh tranh khắc nghiệt; Cũng như một đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, bậc cao thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty.
- Xây dựng mô hình quản trị theo hướng hiện đại: Thông qua mô hình quản trị hiện đại đang được áp dụng tại các Công ty lớn trong nước và quốc tế Công ty sẽ tìm hiểu, nghiên cứu, học hỏi và từng bước sẽ áp dụng tại Công ty bao gồm: Cơ cấu tổ chức; Mô hình hoạt động; Các quy trình quản lý.

5.1. Một số chỉ tiêu chủ yếu từ năm 2011-2015; 2016-2020 của Công ty mẹ như sau:

5.1.1. Kết quả SXKD thực hiện giai đoạn 2011 - 2015:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị SXKDBQ hàng năm (2011-2015) khoảng 7-12%/năm.

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch 5 năm 2011 – 2015			Thực hiện 5 năm 2011 - 2015		
		Công ty mẹ	Công ty con	Hợp nhất	Công ty mẹ	Công ty con	Hợp nhất
1	Tổng giá trị SXKD	2.301.000	945.000	3.246.000	2.313.397	938.618	3.252.015
2	Doanh thu	2.214.470	915.930	3.130.400	2.182.866	797.575	2.980.441
3	Nộp NSNN	115.315	74.013	189.328	93.975	58.271	152.246
4	Lợi nhuận TT	120.005	57.800	177.805	92.567	27.791	120.358
5	Giá trị đầu tư	1.256.117	62.214	1.318.331	235.180	4.200	239.380
6	Vốn điều lệ	144.235		144.235	120.000		120.000
7	Tỷ lệ chia cổ tức bình quân				9	7	8
8	Nhân lực bình quân	900	300	1.200	898	480	1.378
9	Thu nhập bq/ng	5,77	5,50	5,63	5.578	5.198	5.388

5.1.2. Định hướng kế hoạch 2016 - 2020:

Tốc độ tăng trưởng giá trị SXKDBQ hàng năm (2011-:-2015) khoảng 6-9%/năm.
 Tổng giá trị sản xuất kinh doanh năm 2020 tăng gấp 1,4 lần so với năm 2015:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020		
		Công ty mẹ	Công ty con	Hợp nhất
1	Tổng giá trị SXKD	3.258.000	1.240.000	4.498.000
2	Doanh thu	3.024.545	1.140.255	4.164.800
3	Nộp NSNN	110.310	76.690	187.000
4	Lợi nhuận TT	106.041	30.699	137.740
5	Giá trị đầu tư	592.653	76.000	668.653
6	Vốn điều lệ	721.175	-	721.175
7	Tỷ lệ chia cổ tức bình quân	9	-	5
8	Nhân lực bình quân	938	337	638
9	Thu nhập bq/ng	8.080	6.106	7.093

5.2. Cơ cấu sản phẩm giai đoạn 2011-2015; 2016-2020 của Công ty mẹ như sau:

5.2.1. Cơ cấu sản phẩm giai đoạn 2011-2015:

- Giá trị kinh doanh xây lắp chiếm khoảng 60% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh. Trong cơ cấu sản phẩm xây lắp Công ty dần chuyển sang lĩnh vực xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng giao thông làm chủ đạo để phát huy năng lực hiện có. Các công trình do Tổng công ty Sông Đà và Công ty làm Chủ đầu tư, Tổng thầu Xây lắp, tiếp thị đấu thầu và thầu thi công xây lắp các công trình khác tại khu vực Hà Nội và các tỉnh thành khác.
- Giá trị kinh doanh sản xuất công nghiệp và phục vụ xây lắp chiếm khoảng 10% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh.
- Giá trị kinh doanh nhà và các dịch vụ khác chiếm khoảng 20-25% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh.

5.2.2. Cơ cấu sản phẩm giai đoạn 2016-2020:

- Giá trị kinh doanh xây lắp chiếm khoảng 70 -:- 75% trong tổng giá trị SXKD.
- Giá trị kinh doanh sản phẩm công nghiệp và phục vụ xây lắp chiếm khoảng 14-:-10% trong tổng giá trị SXKD.
- Giá trị kinh doanh nhà và các dịch vụ khác chiếm khoảng 15-:-10% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh.

II- Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty đã xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT đồng thời đã chỉ đạo cho Ban Tổng giám đốc điều hành xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty. Nhìn chung trong năm 2015 với tình hình kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn nhưng với sự cố gắng của tập thể CBCNV Công ty cũng như lường trước được những sự khó khăn về vốn, công việc... mà Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty đã có những giải pháp như: Tập trung thi công các công trình – dự án có đủ nguồn vốn, thu vốn nhanh; Huy động vốn với nhiều hình thức, nhiều nguồn cho dự án, phân kỳ, giãn và hoãn các dự án đầu tư... từ những giải pháp trên mà kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 năm 2015 đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu Kinh tế - Tài chính đề ra. Công ty đã thực hiện hoạt động SXKD có lãi, thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với NSNN và người lao động, đảm bảo việc làm cho hơn 900 CBCNV với thu nhập bình quân 5.792.000 đồng/người/tháng; Hoàn thành các mục tiêu, tiến độ chính tại công trình do Công ty đảm nhận thi công như: Thủy điện Bản Vẽ; Công trình cải tạo và nâng cấp Quốc Lộ 1 – đoạn Phú Yên; Công trình đường Cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi; Dự án

Khu đô thị Hồ Xương Rồng Thái Nguyên; Sản xuất đá dăm và cát nhân tạo tại Thủy điện Xêkaman1 tại nước CHDCND Lào...

1.1. Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ thực hiện trong năm 2015:

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2015 (10 ⁶ đ)	Thực hiện năm 2015 (10 ⁶ đ)	Tỷ lệ hoàn thành	So với năm 2014
1	Giá trị SXKD	515.000	556.344	108%	108%
2	Doanh thu	490.133	537.909	109%	109%
3	Thực hiện đầu tư	195.600	113.300	57,9%	154%
4	Lợi nhuận trước thuế	16.877	13.868	82,17%	95%
5	Lợi nhuận sau thuế	13.164	8.181	62,15%	88%
6	Nộp ngân sách Nhà nước	15.347	14.349	93,5%	52%
7	Thu nhập BQ/CBCNV (đồng)	5.725.000	5.792.000	100%	92%
8	Tỷ lệ chia cổ tức/năm	6	6	100%	100%

1.2. Một số chỉ tiêu tài chính thực hiện trong năm 2015: (Số liệu hợp nhất)

- Tổng tài sản đến 31/12/2015 : 899.050 tỷ đồng;
- Tổng giá trị SXKD thực hiện : 756.690 tỷ đồng;
- Doanh thu : 694.046 tỷ đồng;
- Giá trị đầu tư thực hiện : 139,5 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 15.617 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế : 9.930 tỷ đồng;

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành Công ty:

a. Danh sách Ban điều hành Công ty bao gồm:

- + Ông: Phạm Văn Mạnh : Tổng giám đốc công ty.
- + Ông: Trần Văn Trường : Phó Tổng giám đốc.
- + Ông: Hoàng Công Phình : Phó Tổng giám đốc.
- + Ông: Nguyễn Quốc Doanh : Phó Tổng giám đốc.
- + Ông: Hoàng Văn Sơn : Phó Tổng giám đốc
- + Ông: Nguyễn Hữu Hùng : Kế toán trưởng. ✓

b. Tóm tắt lý lịch:

b.1. Ông Phạm Văn Mạnh - Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 011438208; ngày cấp 29/02/2008; nơi cấp: CA Hà Nội.
- Ngày tháng năm sinh: 30 tháng 10 năm 1965.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Lê Lợi, huyện Tứ Lộc, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ thường trú: Xóm 3 – Thôn Thượng – Mễ Trì – Nam Từ Liêm – Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0433 510542 (121)
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật, Kỹ sư Xây dựng công trình ngầm
- **Quá trình công tác:**
 - + 1989-1990: Cán bộ kỹ thuật phòng thi công Công ty Xây dựng công trình ngầm Sông Đà 10 thuộc Tổng công ty Xây dựng thủy điện Sông Đà.
 - + 1991-1993 : Đội phó, Đội trưởng Đội công trình thuộc Xí nghiệp xử lý nền móng và cấp thoát nước – Công ty Xây dựng công trình ngầm Sông Đà 10 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
 - + 1993-1994: Chủ nhiệm công trình thuộc Chi nhánh Công ty Xây dựng công trình ngầm Sông Đà 10 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
 - + 1994-1995: Phó giám đốc Chi nhánh tại Vĩnh Phú Công ty Xây dựng công trình ngầm Sông Đà 10 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
 - + 1995-1997: Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Công ty Xây dựng Sông Đà 14 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
 - + 1997-1998: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội – Công ty Xây dựng Sông Đà 14 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
 - + 1998-1999: Trưởng phòng kỹ thuật, cơ giới - Công ty Xây dựng Sông Đà 14 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
 - + 2000-2001: Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 2.02 - Công ty Xây dựng Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
 - + 2001-2003: Phó phòng Quản lý kỹ thuật Công ty Xây dựng Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
 - + 2003-2005: Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
 - + Từ 2006 đến nay Tháng 01/2014: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
 - + Từ 07/01/2014 đến nay: Thành viên HĐQT ; Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 2.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2:** 15.516 cổ phần, chiếm 0,13% số cổ phần của Công ty.

b.2. Ông Nguyễn Quốc Doanh – Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 113001087; ngày cấp: 14/4/1992; nơi cấp: Công an Hòa Bình.
- Ngày tháng năm sinh: 17 tháng 10 năm 1959
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Tri Thủy, huyện Phú Xuyên, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: P313, K1 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0433 510542 (143)
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng.
- **Quá trình công tác:**
- + 1982-1983: Công tác tại Xí nghiệp Bê tông nghiền sàng - Tổng công ty XD thủy điện Sông Đà.
- + Từ tháng 9/1983-10/1984: Phó quản đốc phân xưởng bê tông đúc sẵn-Xí nghiệp Bê tông đúc sẵn-Tổng công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà.
- + Từ tháng 11/1984 đến tháng 9 năm 1985: Trưởng ban vật tư – Xí nghiệp Bê tông đúc sẵn - Công ty XD Dân dụng-Tổng công ty XD Sông Đà.
- + Từ tháng 10/1985 đến tháng 7/1988: Cán bộ Phòng Vật tư, Cơ giới-Công ty Xây dựng Dân dụng-Tổng công ty XD Sông Đà.
- + Từ tháng 8/1988 đến tháng 12/1995; Phó Phòng Vật tư, Hành chính-Công ty Xây dựng Sông Đà 2-Tổng Công ty XD Sông Đà.
- + Từ tháng 01/1996 đến tháng 11/1997: Cán bộ Phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty XD Sông Đà 2.
- + Từ tháng 12/1997 đến tháng 01/2003: Cán bộ phụ trách Kinh tế - Kế hoạch Ban Điều hành dự án ADB2-N4.
- + Từ tháng 02/2003 đến tháng 10/2005: Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty Sông Đà 2.
- + Từ tháng 11/2005 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2:** 4.000 cổ phần, chiếm 0,03% số cổ phần của Công ty.

b.3. Ông Hoàng Công Phình – Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 031453728; ngày cấp: 12/06/2006; nơi cấp: Công an Hải Phòng
- Ngày tháng năm sinh: 20/8/1960
- Nơi sinh : Vũ Phúc – Thành phố Thái Bình - Tỉnh Thái Bình ✓
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Vũ Phúc – Thành phố Thái Bình - Tỉnh Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 121B - Ngõ 8 - Đường Chiến Thắng, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi
- **Quá trình công tác:**
- + Từ năm 1982-1989: Làm Điều độ trưởng tại Công ty Thi công Cơ giới Thủy điện Hoà Bình.
- + Từ năm 1989-1997: Làm Đội trưởng đội cơ giới tại Xí nghiệp Vận tải Sông Đà tại Hải Phòng thuộc Công ty Sông Đà 12.
- + Từ năm 1997-2001: Làm Phó giám đốc XN Sông Đà 205 thuộc Công ty Sông Đà 2.
- + Từ năm 2001-2003: Làm Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 202 – Công ty Sông Đà 2.
- + Từ năm 2003-2004: Làm Trưởng phòng cơ giới – Công ty Sông Đà 2.
- + Từ năm 2005-T02/2006: Làm Phó giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 208-Công ty Sông Đà 2.
- + Từ T03/2006-T08/2008: Làm Giám đốc XN Sông Đà 206-Công ty cổ phần Sông Đà 2.
- + Từ T08/2008-T11/2008: Làm Trưởng Ban chuẩn bị Dự án Thủy điện phía Bắc-Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- + Từ tháng 12 năm 2008 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 2.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2:** 1.666 cổ phần, chiếm 0,014% số cổ phần của Công ty.

b.4. Ông Trần Văn Trường – Phó Tổng giám đốc.

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 017000787; ngày cấp: 14/07/2009; nơi cấp: CA Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 27 tháng 07 năm 1975
- Nơi sinh : Xã Nghĩa Lạc - Nghĩa Hưng - Nam Định.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Nghĩa Lạc - Nghĩa Hưng - Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: Phòng 802 - Nhà CT7B khu đô thị Văn Quán – Thành phố Hà Đông, Hà Nội.
- Số điện thoại cơ quan : 04 33 510 542(133)
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán
- **Quá trình công tác:**

- + 1996-1999: Chuyên viên Phòng Kế hoạch thẩm định Cục đầu tư và phát triển tỉnh Lai Châu.
- + 2000-2001: Chuyên viên Phòng Tín dụng Chi nhánh Quỹ hỗ trợ đầu tư và phát triển Lai Châu.
- + 2001-2002: Nhân viên Phòng Tài chính kế toán Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
- + 2002-2003: Trưởng Ban Tài chính Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 2.02-Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
- + 2003-2004: Phó Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
- + 2004-2006: Trưởng phòng Tài chính Kế toán Ban điều hành dự án Thủy điện Sê San 4 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
- + 2006-T4/2010: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- + Từ T04/2010 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2:** 8.333 cổ phần, chiếm 0,07% số cổ phần của Công ty.

b.5. Ông Hoàng Văn Sơn – Phó Tổng giám đốc.

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 19/5/1973
- Số CMND : 073017607, cấp ngày 09/11/2007, tại Hà Nội.
- Nơi sinh : Triệu Sơn, Thanh Hóa.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Triệu Sơn, Thanh Hóa.
- Địa chỉ thường trú : Tổ 26, Cụm 5 Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc : 0904743599
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng.
- **Quá trình công tác :**
- + 04/1999 - 8/2002: Cán bộ kỹ thuật; Công ty Sông Đà 15 (Công ty Sông Đà 9)
- + 08/2002 - 07/2003: Phó trưởng ban Kinh tế – Kỹ thuật, Xí nghiệp Sông Đà 905 – Công ty CP Sông Đà 9.
- + 7/2003 – 12/2006: Trưởng ban Kinh tế – Kỹ thuật, Xí nghiệp Sông Đà 905 – Công ty CP Sông Đà 9.
- + 12/2006 – 11/2007: Phó phòng Quản lý kỹ thuật – Thi công, Công ty CP Sông Đà 2.
- + 11/2007 – 8/2010: Trưởng phòng Đầu tư, Công ty CP Sông Đà 2.
- + 8/2010 – 3/2014: Giám đốc Ban quản lý dự án Khu đô thị hồ Xương Rồng, Công ty CP Sông Đà 2.

- + 03/2014 đến 12/2014: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2; Giám đốc Ban QLDA khu đô thị hồ Xương Rồng.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2:** 23.666 cổ phần, chiếm 0,20% số cổ phần của Công ty.

b.6. Ông Nguyễn Hữu Hùng – Kế toán trưởng Công ty.

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 042082000053; ngày cấp: 03/12/2014; nơi cấp: CA Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 14 tháng 07 năm 1972
- Nơi sinh : Xã Hòa Hải – Huyện Hương Khê – Tỉnh Hà Tĩnh.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Hòa Hải – Huyện Hương Khê – Tỉnh Hà Tĩnh.
- Địa chỉ thường trú: Xã Hương Bình – Huyện Hương Khê – Tỉnh Hà Tĩnh.
- Số điện thoại cơ quan :
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- **Quá trình công tác:**
- + 2004-2005 : Nhân viên Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Sông Đà 7.
- + 2006-2007 : Nhân viên Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- + 2007-2008 : Trưởng Ban Tài chính – Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 2.08 – Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- + 2008-2010 : Phó kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 2 kiêm Trưởng Ban Tài chính - Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 2.08 - Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- + Từ T04/2010 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2:** 21.800 cổ phần, chiếm 0,18% số cổ phần của Công ty.

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành công ty:

Không có

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Với mục tiêu: Xây dựng Công ty Cổ phần Sông Đà 2 thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, ổn định, là một doanh nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, xây dựng dân dụng – công nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng; Có trình độ công nghệ cao, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ và nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty, thực hiện việc bảo toàn, phát triển, tích lũy và tối đa hoá lợi tức đối với phần vốn góp của các cổ đông Công ty, không ngừng

nâng cao và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, góp phần vào sự phát triển lớn mạnh của Tổng công ty Sông Đà. Để làm được điều đó, Công ty luôn xác định việc thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách và đào tạo phát triển nguồn nhân lực là một trong chiến lược quan trọng, nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên hàng đầu để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Công ty thực hiện chế độ tiền lương của CBCNV theo thang bảng lương doanh nghiệp Nhà nước. Ngoài ra đối với CBCNV gián tiếp được hưởng mức lương năng suất, công nhân lao động trực tiếp thì được hưởng lương theo sản phẩm trên cơ sở đơn giá, định mức đầu thu.
- Công ty tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm Y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm thân thể cho 100% CBCNV.
- Thực hiện chế độ ốm đau, thai sản và nghỉ dưỡng sức đầy đủ cho CBCNV.
- Công ty thực hiện đào tạo, quy hoạch cán bộ và hàng năm đều có rà soát, điều chỉnh bổ sung nguồn cán bộ quản lý điều hành ở các cấp để thực hiện đào tạo và bồi dưỡng lực lượng cán bộ kế cận, để kịp thời bổ sung nguồn lực cho công tác sắp xếp cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp từ cơ quan công ty đến Công ty con, các đơn vị trực thuộc, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.
- Công ty còn chú trọng tới công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân kỹ thuật. Cụ thể hàng năm Công ty tổ chức các lớp thi nâng bậc cao cho công nhân kỹ thuật; công tác kèm cặp, đào tạo trên 50 công nhân kỹ thuật mới vào nghề.
- Bên cạnh những mặt tích cực, hiện nay Công ty cũng gặp phải một số khó khăn trong công tác đào tạo, tuyển dụng: với tính chất đặc thù công việc của Công ty không tập trung và địa bàn hoạt động rộng khắp cả trong và ngoài nước, đặc biệt là xây dựng chủ yếu các công trình thủy điện tập trung tại vùng sâu, vùng xa nên việc tuyển dụng các kỹ sư, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao gặp nhiều khó khăn; Mặt khác, do tình hình kinh tế khó khăn, các công trình do chủ đầu tư thiếu vốn nên việc thu vốn của Công ty rất khó khăn.
- Tổng số lao động từ năm 2013 - 2015 của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (bao gồm các công ty con), như sau:

**BẢNG TỔNG HỢP CNCNV TOÀN CÔNG TY
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

Số TT	Nội dung	2013 (Người)	2014 (Người)	2015 (Người)
I	Tổng số:	805	965	1.030
II	Phân loại theo công việc			
1	Lao động gián tiếp	222	316	319

2	Lao động trực tiếp, trong đó:	583	649	711
	+ Công nhân kỹ thuật	234	380	301
	+ Lao động thời vụ	150	182	353
	+ Lao động phổ thông	77	87	57
III	Phân loại theo trình độ học vấn		965	1.030
1	Trên Đại học	3	7	6
2	Đại học	154	229	235
3	Cao đẳng, Trung cấp	65	98	78
4	Thợ bậc cao (từ bậc 5 trở lên)	55	90	67
5	Thợ bậc thấp, công nhân và LD phổ thông	535	541	644

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Tình hình đầu tư tại các dự án:

Trong năm 2015 Công ty thường xuyên thực hiện rà soát, đánh giá lại các dự án đầu tư của Công ty để tập trung vốn cho các dự án chuẩn bị hoàn thành và các dự án đang triển khai thực sự có hiệu quả kinh tế cao, đối với các dự án chưa đủ các điều kiện cần thiết (thiếu thủ tục pháp lý, chưa xác định được nguồn vốn) thì dừng hoặc giãn tiến độ và dừng và chuyển nhượng các dự án đầu tư kém hiệu quả, ngoài lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty, cụ thể công tác đầu tư các dự án trong năm 2015 và lũy kế đến 31/12/2015 của toàn công ty như sau:

Thực hiện công tác đầu tư năm 2015: Tổng giá trị đầu tư năm 2015 của Công ty đạt: 113,3 tỷ đồng/195,6 tỷ đồng, bằng 58%.

Trong đó:

- + Đầu tư thiết bị : **14,9/45,6** tỷ đồng.
- + Đầu tư đô thị, bất động sản : **98,4/150** tỷ đồng.

a. **Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng, thành phố Thái Nguyên:**

- Thủ tục đầu tư

+ UBND tỉnh Thái Nguyên quyết định cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất có hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở đợt 1 với 344 ô đất và hiện nay đang làm thủ tục chuyển tên giấy chứng nhận cho khách hàng.

+ Tháng 9/2015 đã được Tổng Công ty Sông Đà phê duyệt Nghị quyết thông qua bổ sung quỹ đất tái định cư tại chỗ (tại dự án) và điều chỉnh hiệu quả đầu tư dự án để triển khai thực hiện.

+ UBND tỉnh Thái Nguyên đã có quyết định giao đất đợt 9 với tổng diện tích là 390.083 m²; Tổng diện tích đất đã được giao tại thực địa (theo 6 đợt) là: 385.159,81m².

+ UBND tỉnh Thái Nguyên đã quyết định cấp giấy CNQSD đất cho chủ dự án đợt 4 là 98 giấy chứng nhận. Tổng số đã cấp là 587 giấy CNQSD đất, với tổng diện tích là 81.594,98m²

- Giải phóng mặt bằng:

+ Diện tích GPMB trong năm 2015 đạt 4.113/15.908 m², đạt 25,8%; lũy kế từ đầu dự án là 40,1 ha/45,05 ha đạt 89,0%.

+ Tổng giá trị chi trả bồi thường GPMB 38,37/80,4 tỷ đồng, đạt 48,0%; lũy kế đạt 356,29 tỷ đồng.

- Công tác xây lắp: Trong năm 2015 Công ty chủ yếu tập trung hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông, hệ thống điện nước, thông tin liên lạc, cảnh quan đô thị để đảm bảo đời sống cho các hộ dân đã về sinh sống tại dự án.

b. Đầu tư máy móc thiết bị:

- Trong năm 2015, Công ty tiếp tục thực hiện các gói thầu còn lại của dự án nâng cao năng lực xe máy thiết bị năm 2014 theo đúng quy định của Pháp luật, gồm gói thầu số 6, số 7 và đang hoàn thiện hồ sơ gói thầu số 08 mua mới trạm bê tông asphalt.

- Hiện nay, Công ty đang xây dựng các phương án đầu tư thêm xe máy thiết bị phục vụ thi công các công trình dân dụng để phát-triển trong lĩnh vực này, tìm kiếm thêm việc làm cũng như phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty đã được thông qua.

c. Tình hình đầu tư tài chính đến 31/12/2015:

Số TT	Tên Công ty	Giá trị đầu tư tại 31/12/2015
I	Đầu tư vào công ty con	47.243.530.000
1	Công ty TNHH MTV CTGT Sông Đà	47.243.530.000
II	Đầu tư, góp vốn vào các công ty khác	13.328.774.090
1	Công ty CP Thủy điện Đăkrinh	660.000.000
2	Công ty CP Sông Đà 25	1.188.774.090
3	Công ty CP Đầu tư đô thị và KCN Sông Đà 7	4.685.000.000
4	Công ty CP Đầu tư phát triển khu kinh tế Hải Hà	2.200.000.000
5	Công ty CP Đầu tư PTĐT & KCN Sông Đà Miền Trung	3.000.000.000
6	Công ty Cổ phần G.S.M	585.000.000
7	Liên danh Sông Đà 2 – Trung Việt – Hồng Quang	1.010.000.000
	Tổng cộng	60.572.304.090

3.2. Công ty con, công ty liên kết: (Công ty con - Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sông Đà)

- Địa chỉ : Km10, đường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Đông, Hà Nội.
- Số điện thoại : 0433 511803; Số Fax: 0433 511803
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000154 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2004, Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21 tháng 07 năm 2010 theo mã số doanh nghiệp 0500447798 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp; Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23 tháng 01 năm 2015 Chuyển đổi từ Công ty cổ phần công trình giao thông Sông Đà thành Công ty TNHH MTV công trình giao thông Sông Đà do Công ty cổ phần Sông Đà 2 sở hữu 100% vốn, ngày cấp giấy đăng ký kinh doanh chuyển đổi ngày 22/01/2015.
- Ngành nghề hoạt động: Khai thác, chế biến các loại đá phục vụ xây dựng và công trình giao thông, thi công xây lắp các công trình giao thông đường bộ, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện; Kinh doanh nhà, đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp và vận tải; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Sản xuất, lắp đặt kết cấu xây dựng và kết cấu cơ khí công trình; Sản xuất gạch ngói, tấm lợp, đá ốp lát; Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng; Lắp đặt thiết bị cơ điện, nước, thiết bị công nghệ, trang trí nội thất; Nạo vét và bồi đắp mặt đường, nền móng công trình; Thi công nền móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn; Sửa chữa xe máy thiết bị; Đầu tư các công trình vừa và nhỏ.
- Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng (Bốn lăm tỷ đồng);
- Công ty Cổ phần Sông Đà 2 nắm 100% vốn điều lệ.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính riêng công ty mẹ:

ĐVT: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tăng giảm (%)
- Tổng giá trị tài sản	750.445.497	747.057.214	99,55%
- Doanh thu thuần	490.062.886	537.909.028	109,76%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.273.653	12.730.073	83,35%
- Lợi nhuận khác	68.911	1.138.579	1652%
- Lợi nhuận trước thuế	14.581.240	13.868.652	95,11%
- Lợi nhuận sau thuế	9.297.549	8.181.327	87,99%
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	8%	6%	75%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu – riêng công ty mẹ:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:				
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,48	1,46	
+ Hệ số thanh toán nhanh				
<u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u>	Lần	0,73	0,77	
Nợ ngắn hạn				
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	73,2	73,6	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	273,1%	279,1	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>				
+ Vòng quay hàng tồn kho:				
<u>Giá vốn hàng bán</u>	Vòng	1,36	1,58	
Hàng tồn kho bình quân				
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản		0,65	0,71	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>				

+ Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	%	1,9	1,53	
+ Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	%	4,62	4,15	
+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản	%	1,24	1,1	
+ Hệ số LN từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần	%	3,12	2,39	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- + Tổng số cổ phần của công ty : 14.423.536 cổ phần.
- + Số cổ phần đang lưu hành : 14.423.536 cổ phần.
- + Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 14.423.536 cổ phần.
- + Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông: Tại thời điểm chốt danh sách Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 04/03/2016: Cổ đông Nhà nước: Tổng công ty Sông Đà, cổ phần nắm giữ: 5.880.000 cổ phần, chiếm 40,7% vốn điều lệ.

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
1	Tổ chức	6.219.366	43,12%
	- Trong nước	6.203.666	99,75%
	- Nước ngoài	15.700	0,25%
2	Cá nhân	8.204.170	56,88%
	- Trong nước	7.572.875	92,31%
	- Nước ngoài	631.295	7,69%
3	Tổng cộng	14.423.536	100%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác: Công ty không có phát sinh chứng khoán khác.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Thuận lợi và khó khăn:

a. Thuận lợi:

- Sự hội nhập của kinh tế đất nước với nền kinh tế khu vực và trên thế giới đã tạo điều kiện cho các Doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty cổ phần Sông Đà 2 nói riêng trong quá trình nắm bắt được các cơ hội kinh doanh mới.
 - Uy tín và thương hiệu về chất lượng sản phẩm, tiến độ thi công các công trình của Tổng công ty Sông Đà nói chung và Công ty cổ phần Sông Đà 2 nói riêng không ngừng phát triển và được khẳng định.
 - Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Công ty đoàn kết, có nhiều kinh nghiệm, năng động và nhiệt tình trong công việc. Đội ngũ cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và công nhân lành nghề có kinh nghiệm luôn được bổ sung kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý và sản xuất kinh doanh.
 - Công ty luôn được các tổ chức tín dụng đánh giá là đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả và uy tín. Vì vậy luôn giữ được chữ tín trong mối quan hệ tín dụng.
- b. Khó khăn:** Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn có nhiều khó khăn như: Thị trường việc làm và Bất động sản trầm lắng, một số công trình do chưa bố trí được nguồn vốn nên chậm triển khai, việc tiếp cận và vay vốn với các tổ chức tín dụng và ngân hàng không thuận lợi đã tác động không nhỏ đến việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2015.

1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Kinh tế - Tài chính năm 2015:

a. Số liệu Báo cáo hợp nhất

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (10 ⁶ đ)	Thực hiện (10 ⁶ đ)	Tỷ lệ hoàn thành	So với năm 2014
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	695.000	756.690	109%	109%
2	Doanh thu	655.406	694.046	106%	120%
3	Thực hiện đầu tư	197.620	139.500	71%	206%
4	Nộp Ngân sách Nhà nước	29.000	20.288	70%	88%
5	Lợi nhuận trước thuế	20.877	15.617	75%	69%
6	Tỷ suất LN trước thuế/Doanh thu	3%	2,3%	77%	58%
7	Tỷ suất LN trước thuế/Vốn điều lệ	14%	10,8%	77%	58%
8	Tổng số CBCNV	1.200	1.488	124%	90%
9	Thu nhập BQ/CBCNV/tháng (đồng)	5.750.000	5.755.000	100%	96%
10	Tỷ lệ chia cổ tức/năm	6	6	100%	100%

b. Số liệu Báo cáo riêng Công ty mẹ

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (10 ⁶ đ)	Thực hiện (10 ⁶ đ)	Tỷ lệ hoàn thành	So với năm 2014
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	515.000	556.344	108,03%	103%
2	Doanh thu	490.133	537.909	109,7%	108%
3	Thực hiện đầu tư	195.600	113.300	57,92%	96%
4	Nộp Ngân sách Nhà nước	15.347	14.349	93,5%	53%
5	Lợi nhuận trước thuế	16.877	13.868	82,17%	95%
6	Tỷ suất LN trước thuế/Doanh thu	3,44%	2,58%	74,87%	85%
7	Tỷ suất LN trước thuế/Vốn điều lệ	11,7%	9,61%	82,17%	95%
8	Tổng số CBCNV	950	900	94%	130%
9	Thu nhập BQ/CBCNV/tháng (đồng)	5.768.000	5.792.000	100,4%	105%
10	Tỷ lệ chia cổ tức/năm	6%	6%	100%	75%

Vốn cho SXKD và đầu tư đến 31/12/2015 của Công ty mẹ:

Trong đó:

- + Vốn chủ sở hữu : 197 tỷ đồng.
 - ✓ Vốn điều lệ : 144,2 tỷ đồng.
 - ✓ Thặng dư vốn : 15,7 tỷ đồng.
 - ✓ Các quỹ doanh nghiệp : 22,9 tỷ đồng.
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 14,1 tỷ đồng.
- + Vốn vay SXKD : 343 tỷ đồng.
 - ✓ Vốn ngắn hạn : 220 tỷ đồng.
 - ✓ Vốn trung hạn, dài hạn : 123 tỷ đồng.

(Kèm theo các phụ lục chi tiết về số liệu)

2. Tình hình Tài chính: (Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của Công ty)

2.1. Báo cáo hợp nhất:

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1,3
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,13

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	77%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	23%
3. Chỉ tiêu cơ cấu tài sản		
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	89%
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	11%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	1,44%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,1%
5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần (MG:10.000 đ/cp)		
- Lãi cơ bản/cổ phiếu (Số CP thực tế lưu hành)	Đồng	620

2.2. Báo cáo Công ty mẹ

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1,58
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,16
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	74%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	26%
3. Chỉ tiêu cơ cấu tài sản		
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	84%
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	16%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	1,5%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,1%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Triển khai thực hiện cụ thể hóa chiến lược kinh doanh giai đoạn năm 2014÷2017, tầm nhìn năm 2020;

- Đã hoàn thành nhiều quy chế, quy định phục vụ công tác quản trị, điều hành công ty theo kế hoạch đề ra: Xây dựng, quản lý và báo cáo thực hiện kế hoạch; Phân cấp

quản lý tài chính, hạch toán kinh doanh; Quản lý và sử dụng xe con; Tổ chức và hoạt động của HĐQT; Phân cấp quản lý và thực hiện Hợp đồng,...

- Thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp theo đề án tái cấu trúc toàn Tổng công ty: Đã thực hiện thoái vốn tại Công ty CP Sông Đà 207 và xin thông qua chủ trương thoái vốn tại Công ty CP Sông Đà 25; Đang hoàn thiện thủ tục thoái vốn ở Thủy điện Sông Chảy 6, dự án thủy điện Đền Đô Sông Thương và dự kiến hoàn thành trong quý I/2016.

- Đã sắp xếp lại các Chi nhánh, xí nghiệp trực thuộc để phù hợp với tình hình SXKD của Công ty: Sáp nhập Chi nhánh Sông Đà 209 vào Chi nhánh Sông Đà 208; củng cố và bổ sung bộ máy quản lý, lãnh đạo từ các Ban quản lý dự án đến phòng ban Công ty và các Chi nhánh trực thuộc trên cơ sở giao quyền chủ động gắn với trách nhiệm và hiệu quả công việc; Sáp nhập Chi nhánh Sông Lô vào Chi nhánh Trung Mầu; Hoàn thành việc đổi tên các phòng chức năng công ty phù hợp với chức năng nhiệm vụ theo mô hình tổ chức đã được Tổng công ty phê duyệt và Chiến lược kinh doanh của Công ty:

- Công ty đã đảm bảo công ăn việc làm với thu nhập ổn định cho người lao động, chi trả tiền lương và các chế độ cho người lao động kịp thời và đúng quy định. Công ty đã tạo được môi trường làm việc đoàn kết nhất trí, tin cậy không xảy ra tình trạng mất đoàn kết nội bộ.

- Công ty đã cơ bản hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước như Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; bảo toàn và phát huy vốn chủ sở hữu, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, thực hiện nhiệm vụ SXKD đúng với các quy định của Pháp luật.

- Đã tập trung giải quyết các công nợ khó đòi, trích lập dự phòng đầy đủ; giải quyết kịp thời những công nợ cá nhân có giá trị lớn; Thực hiện hoàn thành trích nộp Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động hết năm 2015; Đảm bảo cân đối thu xếp và huy động nguồn vốn phục vụ SXKD, trả lương, nộp ngân sách, trả nợ các tổ chức tín dụng đúng hạn.

- Công tác đầu tư tại Dự án khu đô thị Hồ Xương Rồng được định kỳ xem xét, điều chỉnh phù hợp với tình hình thị trường kinh doanh bất động sản để đảm bảo hiệu quả Dự án. Công tác đầu tư thiết bị thi công đã thực hiện theo kế hoạch được duyệt, tuân thủ theo đúng quy định của nhà nước, Tổng công ty và Công ty.

- Cân đối, điều chuyển xe máy thiết bị đảm bảo tiến độ thi công tại công trình trọng điểm như: Quốc lộ 1, Đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, Thủy điện Bản Vẽ ... Công tác sửa chữa thiết bị thường xuyên được quan tâm, đảm bảo thi công được liên tục.

- Công ty đã tiếp tục chú trọng kiểm tra, giám sát công tác thi công, quản lý chất lượng, tiến độ tại các công trình trọng điểm. Quản lý công tác đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn lao động. Cán bộ công nhân đều được tập huấn về an toàn lao động vì vậy trong năm 2015 không để xảy ra vụ mất an toàn lao động nào.

- Trong năm 2015, Công ty đã nỗ lực, huy động các nguồn lực thực hiện công tác tiếp thị đấu thầu từ Công ty đến các Chi nhánh, Xí nghiệp cũng như cùng với Tổng công ty tham gia các gói thầu lớn thuộc các dự án như: Gói thầu san nền và xây dựng hạ tầng Điểm thông quan Gia Lâm-HN (60 tỷ); Chung cư CT2AB, CT2C Dự án nhà ở

phục vụ cán bộ, chuyên viên cao cấp đương chức tại các cơ quan của Quốc hội (128 tỷ); Gói thầu Đường giao thông nội bộ Dự án khu đô thị Phú Lương-Hà Đông (13 tỷ); Thi công móng và mặt đường gói thầu A4 đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi (180 tỷ); Thi công gia cố hạ lưu kênh ra Nhà máy thủy điện Tuyên Quang (22 tỷ). Hiện nay Công ty đang tham gia tiếp thị đấu thầu một số dự án để đảm bảo công ăn việc làm cho năm 2016 như: Quốc lộ 20, Quốc lộ 31, thi công phần bê tông Asphalt gói A5 cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận, Đường dẫn hầm Đèo Ngang, các tòa nhà chung cư tại dự án Khu nhà ở CBCNV Thông tấn xã Việt Nam, Khu đô thị Nam Thái, KĐT Phú Lương,... Dự án thủy điện: Sản xuất cốt liệu và thi công tại thủy điện Nậm Mô, Nạo vét hạ lưu Thủy điện Bản Vẽ.

4. Về tình hình thực hiện công tác đầu tư năm 2015:

Giá trị thực hiện: 113,3/195,6 tỷ đồng bằng 58% kế hoạch. Trong đó:

- + Đầu tư thiết bị : 14,9/45,6 tỷ đồng.
- + Đầu tư đô thị, bất động sản 98,4/150 tỷ đồng.

4.1. Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng, thành phố Thái Nguyên:

- Thủ tục đầu tư

+ UBND tỉnh Thái Nguyên quyết định cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất có hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở đợt 1 với 344 ô đất và hiện nay đang làm thủ tục chuyển tên giấy chứng nhận cho khách hàng.

+ Tháng 9/2015 đã được Tổng Công ty Sông Đà phê duyệt Nghị quyết thông qua bổ sung quỹ đất tái định cư tại chỗ (tại dự án) và điều chỉnh hiệu quả đầu tư dự án để triển khai thực hiện.

+ UBND tỉnh Thái Nguyên đã có quyết định giao đất đợt 9 với tổng diện tích là 390.083 m²; Tổng diện tích đất đã được giao tại thực địa (theo 6 đợt) là: 385.159,81m².

+ UBND tỉnh Thái Nguyên đã quyết định cấp giấy CNQSD đất cho chủ dự án đợt 4 là 98 giấy chứng nhận. Tổng số đã cấp là 587 giấy CNQSD đất, với tổng diện tích là 81.594,98m²

- Giải phóng mặt bằng:

+ Diện tích GPMB trong năm 2015 đạt 4.113/15.908 m², đạt 25,8%; lũy kế từ đầu dự án là 40,1 ha/45,05 ha đạt 89,0%.

+ Tổng giá trị chi trả bồi thường GPMB 38,37/80,4 tỷ đồng, đạt 48,0%; lũy kế đạt 356,29 tỷ đồng.

- Công tác xây lắp: Trong năm 2015 Công ty chủ yếu tập trung hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông, hệ thống điện nước, thông tin liên lạc, cảnh quan đô thị để đảm bảo đời sống cho các hộ dân đã về sinh sống tại dự án.

4.2. Đầu tư máy móc thiết bị:

- Trong năm 2015, Công ty tiếp tục thực hiện các gói thầu còn lại của dự án nâng

- Mục tiêu tiến độ các công trình Công ty đang thi công trong năm 2016:

✓ **Gói thầu số 4 đường cao tốc Đà Nẵng Quảng Ngãi:**

- a. Giá trị kế hoạch : 45,4 tỷ đồng
- b. Khối lượng chủ yếu:
 - Đắp nền đường K95 : 4.787 m3
 - Đắp nền đường K98 : 4.667 m3
 - Rải Subbase, Base : 13.431 m3
 - Thi công bê tông asphalt : 62.800 m2

c. Mục tiêu tiến độ: Tập trung đẩy nhanh công tác thi công subbase, base và triển khai thi công bê tông asphalt xong trong quý II/2016. Hoàn thành thanh quyết toán xong gói thầu trong 6 tháng cuối năm 2016.

✓ **Gói thầu số A4 đường cao tốc Đà Nẵng Quảng Ngãi:**

- a. Giá trị kế hoạch : 75,7 tỷ đồng
- b. Khối lượng chủ yếu:
 - Rải Subbase, Base : 245.000 m3

c. Mục tiêu tiến độ: Tập trung đẩy nhanh công tác thi công subbase, base và triển khai thi công bê tông asphalt khi được Chủ đầu tư giao theo đúng yêu cầu tiến độ của Chủ đầu tư.

✓ **Gói thầu W-RE-20 Xây dựng khu tái định cư số 4 - Vân Hồ - Sơn La:**

- a. Giá trị kế hoạch : 21,5 tỷ đồng
- b. Khối lượng chủ yếu:
 - Đào đắp đất, đá các loại : 77.961 m3
 - Xây rãnh đá hộc : 3.715 m3
 - Bê tông mặt đường : 2.039 m3

c. Mục tiêu tiến độ: Tập trung hoàn thiện các khối lượng công việc còn lại hạng mục đường giao thông nội vùng, đường giao thông nội đồng, san nền trong quý II/2016. Hạng mục cầu treo hoàn thiện trong quý III/2016. Tập trung quyết toán xong gói thầu trong quý IV/2016.

✓ **Khu đô thị Hồ Xương Rồng, TP. Thái Nguyên:**

- a. Giá trị kế hoạch : 16,4 tỷ đồng

b. Mục tiêu tiến độ: Tập trung đẩy mạnh công tác thi công hoàn thiện hạ tầng giao thông phần diện tích đã GPMB đảm bảo cam kết bàn giao hạ tầng cho các khách hàng đã ký kết hợp đồng HTĐT. Tiếp tục hoàn thiện kết nội hạ tầng điện, nước, hệ thống thông tin liên lạc, cảnh quan, cây xanh đảm bảo môi trường sinh hoạt ổn định cho cư dân khu

đô thị.

✓ **Đường bao quanh khu tưởng niệm danh nhân Chu Văn An**

(Cty con thực hiện)

a. Giá trị kế hoạch : 92 tỷ đồng

b. Khối lượng chủ yếu:

- Đào đất các loại : 70.000 m³
- Đổ bê tông các loại : 27.500 m³
- Đắp cát : 25.000 m³
- GCLD cốt thép các loại : 650 tấn

c. Mục tiêu tiến độ: Tập trung tổ chức thi công các công việc đáp ứng yêu cầu tiến độ, chất lượng của Chủ đầu tư. Mục tiêu hoàn thành cơ bản các công việc trong quý III/2016. Tập trung quyết toán trong quý IV/2016.

✓ **Thủy điện Lai Châu:**

(Cty con thực hiện)

a. Giá trị kế hoạch : 43 tỷ đồng

b. Khối lượng chủ yếu:

- Đào đất các loại : 15.000 m³
- Đổ bê tông các loại : 5.000 m³
- Đắp cát : 10.000 m³
- GCLD cốt thép các loại : 300 tấn

c. Mục tiêu tiến độ: Tập trung thi công xong các khối lượng còn lại của hạng mục công trình trước quý II/2016 đáp ứng tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Ban điều hành. Tập trung quyết toán trong Quý III, IV năm 2016.

✓ **Công trình Hồ điều hòa An Khánh:**

(Cty con thực hiện)

a. Giá trị kế hoạch : 8 tỷ đồng

b. Khối lượng chủ yếu:

- Đào đất các loại : 15.000 m³

c. Mục tiêu tiến độ: Tập trung thi công xong trước quý II/2016 đáp ứng tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

✓ **Sản xuất đá tại 2 mỏ Trung Màu và Tân Trung:**

(Cty con thực hiện)

a. Giá trị kế hoạch : 53 tỷ đồng

b. Khối lượng chủ yếu:

- Sản xuất đá dăm các loại : 406.000 m³

a. Mục tiêu tiến độ: Tiếp tục thực hiện các thủ tục xin gia hạn khai thác tại mỏ đá Trung Màu, duy trì sản xuất ổn định tại 2 mỏ Tân Trung và Trung màu. Hoàn thành thủ tục xin nâng công suất khai thác từ 80.000 m³/năm ÷ 250.000 m³/năm tại mỏ đá Tân Trung.

✓ **Công tác bán hàng tại dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng:**

- Giá trị kế hoạch kinh doanh BĐS : 100 tỷ đồng
- Tập trung công tác thu vốn các hợp đồng với khách hàng nhỏ lẻ, các khách hàng đã ký kết hợp đồng HTĐT.
- Tăng cường công tác tiếp thị bán hàng, quảng cáo để đảm bảo hoàn thành kế hoạch kinh doanh BĐS năm 2016.

✓ **CÔNG TÁC ĐẦU TƯ:**

Giá trị kế hoạch đầu tư năm 2016 : 176,812 tỷ đồng.

Trong đó

- Sông Đà 2 - Cty mẹ : 166,812 tỷ đồng
- CTGT SD - Cty con: 10 tỷ đồng

a. Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng - Thái Nguyên.

- Giá trị Kế hoạch đầu tư : 90 tỷ đồng, trong đó:
 - + Chi phí bồi thường GPMB : 50 tỷ đồng
 - + Chi phí xây dựng : 25 tỷ đồng
 - + Chi phí QLDA, tư vấn và lãi vay : 15 tỷ đồng
- Công tác GPMB: Tiếp tục phối hợp cùng với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Nguyên, các cơ quan quản lý của tỉnh Thái Nguyên để đưa ra các biện pháp giải quyết vướng mắc trong công tác đền bù GPMB của dự án, thu hồi đất để tiếp tục thi công hạ tầng dự án. Mục tiêu năm 2016 giải ngân tiền đền bù GPMB 50 tỷ đồng.
- Thủ tục pháp lý: Thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bàn giao mặt bằng cho các khách hàng theo tiến độ bán hàng đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- Công tác xây lắp: Tổ chức thi công hoàn thành hạng mục cầu đi bộ, tiếp tục hoàn thiện hạng mục cấp điện, vỉa hè, cây xanh đảm bảo cảnh quan đô thị; đồng bộ kết nối hạ tầng để kịp thời đảm bảo điều kiện sống đầy đủ cho các hộ dân sinh sống tại dự án.

b. Khu đô thị Nhà liền kề phương Hữu Nghị - TP Hòa Bình:

- Giá trị Kế hoạch đầu tư : 11,6 tỷ đồng, trong đó:
 - + Chi phí xây dựng : 9.3 tỷ đồng ✓

- + Chi phí QLDA, tư vấn và lãi vay và # : 2,3 tỷ đồng
- Tổ chức thi công xây dựng: Tổ chức thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật dự án.

c. Đầu tư máy móc thiết bị:

- Giá trị Kế hoạch đầu tư : 65,2 tỷ đồng,

Trong đó:

- + Sông Đà 2 – Công ty mẹ : 55,2 tỷ đồng
- + CTGT SĐ - Cty con : 10 tỷ đồng

- Hoàn thành gói thầu số 08 đầu tư 01 trạm bê tông asphalt theo dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị năm 2014.

- Lập dự án đầu tư thiết bị lĩnh vực xây dựng dân dụng (chủ yếu tập trung đầu tư hệ thống giàn giáo, cốppha, hệ thống vận thăng, cần trục tháp,...) để triển khai thực hiện làm cơ sở tham gia trong lĩnh vực xây dựng dân dụng.

6. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Đơn vị kiểm toán chấp nhận toàn bộ Báo cáo tài chính của công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty: Trong năm 2015 Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và hoàn thành các công tác chính sau:

- + Trên cơ sở kế hoạch của năm 2015 đã đề ra và thực tế triển khai thực hiện, với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định, HĐQT đã tiến hành giám sát, quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua, đã xác định được các vấn đề trọng tâm trong hoạt động của Công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kế hoạch hoạt động phù hợp, đồng thời cùng với Ban điều hành tập trung giải quyết những vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp tới Công ty như: Cơ cấu sắp xếp lại mô hình tổ chức và nhân lực, công tác tiếp thị đầu thầu, tìm kiếm việc làm, công tác đầu tư các dự án, công tác quản lý tài chính v.v ...
- + HĐQT đã sắp xếp trực tiếp làm việc với các bộ phận chức năng liên quan nghe ý kiến tham mưu và có những góp ý với Ban Tổng giám đốc nhằm đưa ra các giải pháp, biện pháp tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn và chỉ đạo kịp thời phục vụ tốt nhất cho hoạt động SXKD và các mặt công tác khác.
- + Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã tiến hành 04 cuộc họp định kỳ, có nhiều cuộc họp đột xuất và 35 cuộc họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để xem xét, quyết định và ban hành 51 Nghị quyết; 32 Quyết định và 58 Văn bản khác để làm cơ sở cho Tổng giám đốc triển khai các hoạt động SXKD. Các vấn đề lớn của Công ty đã được xem xét, phê duyệt như sau:
- + Xem xét thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014, phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 cũng như các tài liệu, báo cáo khác trình Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2015.

- + Xem xét, thông qua báo cáo sản xuất kinh doanh quý và nhiệm vụ trọng tâm của quý tiếp theo.
- + Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt Chiến lược kinh doanh giai đoạn 2014-2017 và tầm nhìn đến năm 2020 của Công ty.
- + Triển khai Phương án sáp nhập Công ty CP Công trình giao thông Sông Đà vào Công ty CP Sông Đà 2 và đổi tên thành Công ty TNHH MTV Công trình giao thông Sông Đà
- + Sắp xếp lại tổ chức một số phòng chức năng Công ty và đơn vị trực thuộc bao gồm : Sáp nhập Chi nhánh Sông Đà 209 vào Xí nghiệp Sông Đà 208 ; Thành lập Ban kiểm soát nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị ; Đổi tên một số phòng ban phù hợp với cơ cấu tổ chức của Tổng công ty và yêu cầu thực tế của Công ty.
- + Xây dựng, sửa đổi, bổ sung nhiều quy chế, quy định nội bộ của Công ty để phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ SXKD và thực tiễn hiện nay :
- + Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.
- + Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Quy chế trả lương khoán đối với CBCNV gián tiếp Công ty CP Sông Đà 2.
- + Quy chế phân cấp, quản lý và thực hiện hợp đồng của Công ty
- + Quy chế phân cấp quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh tại các đơn vị trực thuộc
- + Quy chế quản lý nội bộ
- + Quy chế thiết lập triển khai công tác quản trị rủi ro của Công ty
- + Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ Công ty.
- + Quy định về công tác quản lý xe máy, thiết bị vật tư của Công ty
- + Quyết định việc miễn nhiệm, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý.
- + Quyết định các phương án, chủ trương trong công tác đầu tư vào các dự án cũng như đầu tư khác, bao gồm :
- + Phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quỹ đất tái định cư tại chỗ (tại dự án) và điều chỉnh hiệu quả đầu tư Dự án khu đô thị Hồ Xương Rồng.
- + Phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án khu nhà ở liền kề phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.
- + Phê duyệt tổng tiến độ điều chỉnh thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Dự án khu đô thị Hồ Xương Rồng.
- + Chỉ đạo và thông qua phương án thoái vốn khoản đầu tư của Công ty tại Công ty Cổ phần Sông Đà 207 ; Công ty cổ phần Sông Đà 25.
- + Phê duyệt phương án nhận chuyển nhượng hệ thống Trạm trộn 120 m³/h và các máy móc, thiết bị bằng hình thức gán trừ công nợ phải thu của Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sông Đà tại Công ty CP Đầu tư - Phát triển Sông Đà. ✓

- + Các nội dung khác : HĐQT đã thực hiện tốt việc cung cấp các tài liệu, thông tin cho Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát HĐQT, Ban điều hành Công ty trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp.
- + Tuy nhiên, bên cạnh những việc đã làm được HĐQT kiểm điểm lại vẫn còn một số hạn chế như sau :
- + Trả lương, thù lao đối với HĐQT năm 2015.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty.

- + Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị giao quyền Tổng giám đốc quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc thông qua hệ thống các báo cáo tổng hợp, chi tiết và các kỳ họp Hội đồng quản trị.
- + Trong năm 2015, Ban Điều hành đã có sự nỗ lực rất cao, luôn nắm bắt kịp thời diễn biến thị trường, thực hiện nghiêm túc việc triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;
- + Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ chuyên môn, năng lực và phẩm chất, có kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án thi công đòi hỏi tiến độ khẩn trương.
- + Tổng giám đốc đã phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các phó Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.
- + Thực hiện các quy trình quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2008.
- + Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động SXKD, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả các hoạt động SXKD của Công ty; Thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các đơn vị trực thuộc.
- + Ban Điều hành cũng đã xây dựng và triển khai cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi nhánh theo định hướng chủ động, linh hoạt và chỉ đạo phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trực thuộc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- + Báo cáo, cung cấp đầy đủ các thông tin và dữ liệu liên quan để các Cơ quan chức năng Nhà nước và cấp trên thực hiện nhiệm vụ theo quy định.
- + Có các quy định chặt chẽ về nâng cao ý thức thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, tiến độ, đảm bảo tuyệt đối An toàn lao động - Vệ sinh lao động đối với người và thiết bị xe máy trong quá trình thi công.
- + Quan tâm đến đời sống của người lao động: Tiền lương, thưởng, chế độ chăm sóc sức khỏe, thực hiện tốt quyền lợi của cổ đông như: trả cổ tức, tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông tiếp nhận thông tin và các ý kiến đóng góp xây dựng Công ty.

- + Kết quả SXKD năm 2015: Công tác điều hành hoàn thành nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Định hướng:

- Tập trung xây dựng Công ty Cổ phần Sông Đà 2 để đến năm 2020 thực sự trở thành một trong những Công ty mạnh của Tổng công ty, với sản phẩm chính là: Xây dựng các công trình giao thông; công trình dân dụng.

- Bên cạnh đó duy trì và phát triển các ngành nghề:

- + Sản xuất công nghiệp - Vật liệu xây dựng.
- + Đầu tư những dự án phù hợp với ngành nghề và khả năng tài chính của Công ty.
- + Năm 2016 tiếp tục đầu tư dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng trên cơ sở phù hợp thị trường, linh hoạt trong phương án bán hàng và bảo toàn phát triển được vốn.
- + Tăng cường mở rộng thị phần xây lắp các công trình: xây dựng các công trình giao thông; công trình dân dụng, hạ tầng đô thị.

- Đến năm 2020 tỷ trọng giữa các ngành nghề như sau:

- + Các công trình giao thông; công trình DĐ - CN $\approx 70 \div 75\%$;
- + Sản xuất công nghiệp $\approx 14 \div 10\%$;
- + Kinh doanh BĐS $\approx 15 \div 10\%$;
- + Kinh doanh khác $\approx 01 \div 05\%$.

3.2. Một số nhiệm vụ trọng tâm đảm bảo thực hiện kế hoạch 2016.

- + Nâng cao một bước công tác tiếp thị đấu thầu, tìm kiếm việc làm theo ngành nghề kinh doanh chính đảm bảo đủ việc làm theo kế hoạch, đảm bảo đời sống cho CBCNV trong năm 2016 và những năm tiếp theo.
- + Thực hiện triệt để các biện pháp quản lý chi phí đảm bảo hiệu quả công tác xây lắp năm 2016, trong đó cần làm tốt công tác xây dựng dự toán hạ giá thành trước khi thi công để giao cho các đơn vị; tiếp tục tiết giảm chi phí quản lý.
- + Xây dựng phương án chuẩn bị thi công dân dụng trong năm 2016, đáp ứng nhu cầu công việc cũng như làm cơ sở để phát triển thị trường xây dựng dân dụng.
- + Tiếp tục thực hiện chương trình đào tạo, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là các kỹ sư chuyên ngành, cán bộ Chỉ huy trưởng công trường, trình độ Tiếng Anh cho CBCNV nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập và tăng năng suất lao động.
- + Tập trung quyết toán xong và thu vốn dứt điểm các công trình đã thi công xong: Quốc lộ 1, Quốc lộ 51, Thủy điện Hà Tây, khu tái định cư Vân Hồ - Sơn La... Quyết toán xong công trình khu biệt thự Vườn Cam trước tháng 6/2016; Quyết toán các gói thầu tại Quốc lộ 51 trong quý I/2016 và đôn đốc tiền về trong quý II/2016.
- + Tiếp tục kiểm soát, có những biện pháp mạnh mẽ đối với các khoản công nợ khó đòi, công nợ dài hạn, kiểm soát và có những giải pháp hợp lý giảm giá trị công nợ cá nhân.

- + Thực hiện xong công tác xin gia hạn mỏ Trung Mậu trong cuối quý I, đầu quý II/2016. Tăng cường công tác tiếp thị bán hàng tại hai mỏ đá Trung Mậu và Sông Lô đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2016 đã đề ra.
- + Tổ chức tốt công tác triển khai thi công các hạng mục tại khu đô thị Hồ Xương Rồng theo kế hoạch; hoàn thành cơ bản các hạng mục cảnh quan xung quanh Hồ; Tăng cường các giải pháp giải phóng mặt bằng; Khảo sát thị trường nâng cao một bước công tác bán hàng tại Dự án khu đô thị Hồ Xương Rồng.

3.3. Một số nhiệm vụ cụ thể trong năm 2016 của Hội đồng quản trị.

* Cùng với những nhiệm vụ trọng tâm đảm bảo thực hiện kế hoạch 2016 nói trên; HĐQT thường xuyên chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, các phòng ban chức năng và đơn vị trực thuộc Công ty đảm bảo nguồn lực (nhân lực, vật tư, thiết bị, tiền vốn...) để thực hiện hoàn thành các mục tiêu, tiến độ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, an toàn lao động và đầu tư năm 2016 đã đề ra. Đồng thời tăng cường công tác quản lý, tiết kiệm chi phí quản lý, hạ giá thành nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế tài chính có hiệu quả nhất, với nội dung chương trình công tác chính trong năm 2016 như sau:

1. Phê duyệt kết quả hoạt động SXKD năm 2015, triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2016 của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016.
2. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
3. Chỉ đạo tăng cường mở rộng thị phần thi công xây lắp các công trình giao thông; công trình dân dụng - công nghiệp, coi đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để đảm bảo khối lượng công việc cho năm 2016 và những năm tiếp theo.
4. Chỉ đạo và giải quyết các thủ tục huy động vốn cho công tác sản xuất kinh doanh và đầu tư.
5. Chỉ đạo đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thu vốn tại các công trường, tăng cường các biện pháp thu hồi công nợ (các khoản công nợ cũ, tồn tại từ lâu, khó đòi).
6. Chỉ đạo xem xét việc cân đối, đáp ứng yêu cầu nhân lực, xe máy, thiết bị nhằm phát huy tối đa năng lực của xe máy thiết bị, đảm bảo khai thác và mang lại hiệu quả kinh tế cao.
7. Đôn đốc, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều hành, các phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện các mục tiêu, tiến độ công trình, các hợp đồng, dự án do Công ty đảm nhận thi công và dự án Công ty đầu tư.
8. Chỉ đạo xây dựng các biện pháp thu hút nhân lực đảm bảo cho thực hiện kế hoạch năm 2016 và chiến lược phát triển của Công ty các năm tiếp theo (cơ chế đãi ngộ tiền lương, tuyển dụng, đào tạo và định hướng phát triển ...).
9. Chỉ đạo quyết liệt tiết giảm chi phí quản lý, hạ giá thành sản phẩm.
10. Chỉ đạo công tác hạch toán kinh doanh, báo cáo phân tích hoạt động kinh tế để kịp thời rút kinh nghiệm trong chỉ đạo điều hành.
11. Phương án trả lương, thù lao đối với HĐQT & BKS năm 2016.

12. Nghiên cứu và chỉ đạo mạnh mẽ công tác phát triển thị trường xây lắp và đầu tư.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị:

a. Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 gồm 5 thành viên:

- Ông Lê Văn Giang - Chủ tịch HĐQT, nắm giữ: 11.666 cổ phần, chiếm 0,08% tổng số cổ phần.
- Ông Nguyễn Văn Ngọc – Thành viên HĐQT.
- Ông Phạm Văn Mạnh - Thành viên HĐQT nắm giữ 15.516 cổ phần, chiếm 0,11 % tổng số cổ phần.
- Ông Lương Văn Sơn - Thành viên HĐQT nắm giữ 34.526 tương ứng, tương ứng với 0,24% số cổ phần.
- Bà Đặng Thị Diệu Hương - Thành viên HĐQT nắm giữ 10.000 cổ phần, chiếm 0,07% số cổ phần của công ty.

Các thành viên HĐQT không tham gia điều hành:

- Ông Nguyễn Văn Ngọc.
- Ông Lương Văn Sơn.
- Bà Đặng Thị Diệu Hương.

Thành viên HĐQT độc lập: Bà Đặng Thị Diệu Hương; Ông Lương Văn Sơn.

- Tham gia nghiên cứu đánh giá tình hình, kết quả hoạt động của thị trường để vận dụng vào thực tế hoạt động định hướng phát triển của Công ty từng thời kỳ.
- Phụ trách Công tác kinh tế;
- Phụ trách Công tác thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động;
- Phụ trách công tác thẩm tra các dự án;
- Công tác kiểm tra, kiểm toán.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Ban kiểm soát nội bộ: Được thành lập theo Quyết định số 71/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 06 năm 2015 trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty, để thực hiện chức năng tham mưu, giúp Hội đồng quản trị trong việc kiểm tra và kiểm soát việc tuân thủ pháp luật, việc chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

Kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn, tài sản của công ty và các đơn vị trực thuộc, các công ty con; Kiểm tra giám sát quá trình giải quyết công tác nghiệp vụ của các phòng, ban nghiệp vụ của Công ty.

Phát hiện, ngăn ngừa và kiến nghị các giải pháp xử lý những sai sót đã hoặc có thể xảy ra .

Kiến nghị bổ sung, sửa đổi các văn bản quản lý nội bộ, chính sách quản lý kinh doanh của Công ty cho phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh và quy định của pháp luật.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

*** Công tác quản lý, giám sát các lĩnh vực hoạt động SXKD:**

- Năm 2015 là một năm vẫn còn nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD đối với các doanh nghiệp xây lắp, trong đó có Công ty Cổ phần Sông Đà 2. Nhưng với sự đoàn kết, nhất trí, và sự cố gắng nỗ lực của tập thể CBCNV - Người lao động trên các lĩnh vực công tác, trong đó có sự tập trung cao độ trong quản lý chỉ đạo từ HĐQT và ban Tổng giám đốc điều hành Công ty đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu do ĐHCĐ đề ra. Công tác sản xuất kinh doanh tại dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng đã hoàn thành vượt mức kế hoạch; Một số các dự án khác cơ bản đã đạt tiến độ đề ra. Tổng giá trị SXKD năm 2015 là hoàn thành vượt mức kế hoạch.

- Công tác tiếp thị và đấu thầu 2015 đã được coi là công việc quan trọng hàng đầu và xuyên suốt, HĐQT đã chỉ đạo cùng với Ban điều hành hoàn thiện sự phân công trách nhiệm từ lãnh đạo Công ty đến Trưởng phòng chức năng liên quan tiếp tục củng cố đội ngũ làm hồ sơ thầu đã có những kết quả tích cực.

- HĐQT chỉ đạo Ban điều hành định kỳ tổ chức kiểm tra kinh tế, công tác hạch toán kinh doanh, công tác hợp đồng và công tác phân tích hoạt động kinh tế. Công tác quản lý chi phí - giá thành được tăng cường và ngày càng hiệu quả hơn.

*** Chỉ đạo xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự của Công ty:**

HĐQT Công ty xác định nhiệm vụ trọng tâm và cần thiết trong năm 2015 là tiếp tục và tích cực thực hiện đề án cơ cấu, sắp xếp lại mô hình tổ chức và nhân sự của Công ty theo đề án tái cấu trúc Công ty mà Tổng công ty và Bộ Xây dựng đã phê duyệt. Đề cơ cấu, sắp xếp lại, trong năm 2015 HĐQT Công ty đã chỉ đạo thực hiện các nội dung cụ thể sau:

Điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy:

- Sắp xếp lại các Chi nhánh, xí nghiệp trực thuộc để phù hợp với tình hình SXKD của Công ty: Sáp nhập Chi nhánh Sông Đà 209 vào Chi nhánh Sông Đà 208; củng cố và bổ sung bộ máy quản lý, lãnh đạo từ các Ban quản lý dự án đến phòng ban Công ty và các Chi nhánh trực thuộc trên cơ sở giao quyền chủ động gắn với trách nhiệm và hiệu quả công việc; Sáp nhập Chi nhánh Sông Lô vào Chi nhánh Trung Mầu thuộc Công ty TNHH MTV CTGT Sông Đà; Hoàn thành việc đổi tên các phòng chức năng công ty phù hợp với chức năng nhiệm vụ theo mô hình tổ chức đã được Tổng công ty phê duyệt và Chiến lược kinh doanh của Công ty.

- Nghị quyết phê duyệt đề Tổng giám đốc quyết định bổ nhiệm và luân chuyển một số vị trí cán bộ có trình độ, năng lực phụ trách đơn vị trực thuộc và các phòng chức năng của Công ty.

Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy chế:

HDQT Công ty chỉ đạo việc thực hiện điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số quy chế quản lý của Công ty (Quy chế: Quản lý và sử dụng xe con; Tổ chức và hoạt động của HDQT; Phân cấp quản lý và thực hiện Hợp đồng) cho phù hợp với cơ cấu tổ chức cũng như khắc phục những hạn chế của những quy chế đang áp dụng của Công ty. Tất cả các quy chế nội bộ của Công ty ban hành đã và đang được HDQT Công ty chỉ đạo xây dựng lại trên cơ sở phân tích đánh giá một cách khách quan, khoa học những mặt ưu điểm, hạn chế của các quy định hiện hành, những mặt chưa được cần điều chỉnh hoặc cần phải bổ sung điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện và yêu cầu của hoạt động SXKD của Công ty, các quy chế sau khi soạn thảo đều được HDQT Công ty chỉ đạo cho lấy ý kiến đóng góp, bổ sung và hoàn thiện của Ban điều hành Công ty, các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc nhằm đảm bảo tính dân chủ, nâng cao tính phù hợp và có hiệu quả của quy chế.

** Cơ cấu sắp xếp lại nguồn nhân lực:*

Trước những thực tế của Công ty, HDQT công ty đã chỉ đạo xác định cần phải cơ cấu sắp xếp lại lao động theo hướng tinh giảm, đảm bảo gọn nhẹ, phát huy cao nhất về năng lực của các thành viên trong công việc. Trên cơ sở đó HDQT Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty tiến hành rà soát, đánh giá lại toàn bộ nguồn nhân lực của Công ty, xây dựng phương án cơ cấu sắp xếp cho thật phù hợp, hiệu quả, đồng thời chỉ đạo thực hiện việc cơ cấu sắp xếp lại lao động đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động, giữ vững sự ổn định của hoạt động SXKD của Công ty.

Trong năm 2015, Công ty đã tiến hành cơ cấu sắp xếp lại lao động cho phù hợp với tình hình thực tế SXKD của đơn vị, HDQT Công ty cũng chỉ đạo Ban điều hành xây dựng phương án tiết kiệm chi phí quản lý và đã thực hiện có hiệu quả.

** Chỉ đạo công tác tài chính:*

HDQT Công ty đã chỉ đạo và cùng Ban điều hành triển khai một cách đồng bộ và linh hoạt các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong công tác tài chính. Bên cạnh việc liên hệ chặt chẽ với các ngân hàng để đảm bảo vốn phục vụ cho yêu cầu nhiệm vụ SXKD với hạn mức tín dụng, lãi xuất phù hợp v.v... Ban điều hành Công ty tập trung tối đa vào việc thu hồi công nợ tồn đọng tại các công trình, dự án Công ty thi công, chỉ đạo các đơn vị trực tiếp tham gia sản xuất thực hiện các giải pháp tích cực trong công tác thu hồi vốn. Bên cạnh đó HDQT Công ty cũng xác định các mục tiêu ưu tiên và triển khai trong giai đoạn khó khăn về vốn đối với các dự án đầu tư của Công ty để đảm bảo không đầu tư dàn trải, không có hiệu quả, mất cân đối về vốn.

Chỉ đạo phân công lại trách nhiệm và giao việc cụ thể cho các cán bộ làm nhiệm vụ thu hồi công nợ cũ, công nợ khó đòi và tổ chức kiểm điểm thường xuyên, tăng cường sự chỉ đạo của Tổng giám đốc đối với công tác này. Tăng cường nhiều giải pháp về thu vốn và huy động vốn cho sản xuất và đầu tư đồng thời trả nợ đúng hạn các khoản vay.

Kết quả là đảm bảo cơ bản đáp ứng được vốn phục vụ công tác thi công xây lắp tại các công trình và từng bước triển khai đầu tư tại các dự án khác của Công ty.

*** Chỉ đạo công tác đầu tư:**

Lĩnh vực đầu tư xây dựng các dự án là lĩnh vực kinh doanh chiến lược mà Công ty đã và đang triển khai trong giai đoạn 2014 ÷ 2017, tầm nhìn đến năm 2020, tuy nhiên năm 2015, đứng trước khó khăn tri trệ của thị trường, sự ứ đọng của thị trường bất động sản v.v... HĐQT Công ty chỉ đạo phân kỳ đầu tư hợp lý.

Tăng cường công tác tiếp thị khách hàng, thường xuyên và điều chỉnh linh hoạt phương án kinh doanh bán hàng tại Khu đô thị Hồ Xương Rồng; việc kinh doanh của dự án luôn đạt kế hoạch và ổn định góp phần quan trọng vào kết quả SXKD chung của toàn Công ty .

d. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Chủ trì thẩm định dự toán chi phí quản lý năm 2014; Kế hoạch khấu hao Tài sản cố định để Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Xem xét Báo cáo phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh quý, năm của Công ty.
- Tham gia xây dựng chiến lược kinh doanh của Công ty.
- Thẩm định tính khả thi của các dự án đầu tư.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát của công ty gồm 3 thành viên:

- Ông Nguyễn Thị Thúy Liên - Trưởng Ban kiểm soát.
- Ông Ngô Văn Nghĩa - Thành viên BKS.
- Ông: Đặng Văn Luyến - Thành viên BKS.

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2015 Ban kiểm soát Công ty đã duy trì hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và tuân thủ Luật doanh nghiệp.
- Trong năm 2015 Ban kiểm soát đã tiến hành 04 phiên họp thường kỳ và các phiên họp bất thường bằng hình thức xin ý kiến văn bản.
- Trong năm 2015 Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các phiên họp định kỳ và thường xuyên của Hội đồng quản trị Công ty.
- Trong năm 2015 Ban kiểm soát đã cùng các Phòng ban Công ty tham gia kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các đơn vị trực thuộc.
- Tham gia họp phân tích hoạt động kinh tế năm; 06 tháng năm 2015 của Công ty.

- Cùng với kiểm toán độc lập soát xét Báo cáo Tài chính các đơn vị trực thuộc và toàn công ty 06 tháng; năm 2015.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

a. Tổng tiền lương, thù lao trả Hội đồng quản trị năm 2015: 1.410.468.538 đồng.

- Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

+ Ông Lê Văn Giang – Chủ tịch HĐQT : 533.370.455 đồng.

- Thù lao của các thành viên HĐQT:

*(3 TV HĐQT * 5.926.338đồng/tháng * 12 tháng) : 213.348.182 đồng*

b. Tổng tiền lương, thù lao trả Ban kiểm soát năm 2015:

+ Bà Nguyễn Thị Thúy Liên - T.Ban kiểm soát : 71.116.061 đồng.

+ Ông Ngô Văn Nghĩa - Thành viên BKS : 47.410.707 đồng.

+ Ông Đặng Văn Luyện - Thành viên BKS : 47.410.707 đồng.

c. Tổng tiền lương trả Tổng giám đốc điều hành năm 2015:

- Ông Phạm Văn Mạnh – TGD kiêm TV HĐQT : 497.812.425 đồng.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

VI. Báo cáo Tài chính: Các Báo cáo Tài chính năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán và Luật chứng khoán.

1. Báo cáo Tài chính hợp nhất:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hăng kiểm toán (AASC).

- Địa chỉ: Số 1, Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ý kiến của kiểm toán viên: Báo cáo Tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (PHẦN TÀI SẢN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5

A	Tài sản ngắn hạn	100		804.553.038.755	768.650.542.471
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		76.172.425.829	51.447.862.200
1	Tiền	111	V.01	76.172.425.829	42.447.862.200
2	Các khoản tương đương tiền	112			9.000.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		178.227.000	16.521.399.600
1	Chứng khoán kinh doanh	121	V.02	1.188.774.090	13.188.774.090
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(1.010.547.090)	(10.767.374.490)
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	14.100.000.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		320.860.921.703	291.598.384.220
1	Phải thu khách hàng	131		247.187.175.306	203.545.151.401
2	Trả trước cho người bán	132		17.728.498.103	11.457.699.092
5	Các khoản phải thu khác	138	V.03	57.582.749.209	78.555.344.003
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1.637.500.915)	(1.959.810.276)
IV	Hàng tồn kho	140		390.588.139.255	383.868.425.573
1	Hàng tồn kho	141	V.04	390.588.139.255	383.868.425.573
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		16.753.324.968	25.214.470.878
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		442.026.112	702.315.412
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.014.477.085	21.763.241.804
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		296.821.771	2.748.913.662
B	Tài sản dài hạn	200		94.497.083.746	85.831.480.120
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		3.093.295.220	8.196.811.929
1	Phải thu dài hạn khác	216		3.093.295.220	8.196.811.929
II	Tài sản cố định	220		64.665.255.354	51.907.909.097
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	64.665.255.354	51.907.909.097
	- Nguyên giá	222		311.052.238.855	298.849.994.778
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(246.386.983.501)	(246.942.085.681)
3	TSCĐ vô hình	227	V.06	0	0
	- Nguyên giá	228		0	3.569.219.141
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	(3.569.219.141)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		11.404.922.822	8.935.641.471
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	11.404.922.822	8.935.641.471
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.08	11.430.020.020	11.370.020.020
1	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
2	Đầu tư dài hạn khác	258		11.430.020.020	11.370.020.020
VI	Tài sản dài hạn khác	260		3.903.590.330	5.421.097.603
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	3.903.590.330	5.421.097.603
	Tổng cộng tài sản	270		899.050.122.501	854.482.022.591

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (PHẦN NGUỒN VỐN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C	Nợ phải trả	300		688.223.266.070	641.355.320.445
<i>I</i>	<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>565.216.524.370</i>	<i>519.181.729.416</i>
1	Phải trả người bán	311	V.11	123.119.742.150	98.484.674.028
2	Người mua trả tiền trước	312		111.593.269.858	130.823.711.596
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	9.637.857.544	17.080.567.690
4	Phải trả người lao động	314		20.472.564.714	21.272.455.152
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	12.775.465.145	19.876.510.888
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	21.304.197.860	27.567.705.854
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	266.313.427.099	202.112.986.696
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			1.963.117.512
<i>II</i>	<i>Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>123.006.741.700</i>	<i>122.173.591.029</i>
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	123.006.741.700	122.173.591.029
D	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		210.826.851.923	213.126.702.146
<i>I</i>	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>V.16</i>	<i>210.826.851.923</i>	<i>213.126.702.146</i>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		144.235.360.000	144.235.360.000
	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>144.235.360.000</i>	<i>144.235.360.000</i>
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		15.704.407.780	15.704.407.780
3	Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.937.808.440	5.937.808.440
4	Quỹ đầu tư phát triển	418		25.162.706.261	24.623.177.156
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.786.569.442	22.625.948.770
	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>9.856.261.760</i>	<i>17.230.657.718</i>
	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>9.930.312.190</i>	<i>5.395.291.052</i>
	Tổng cộng nguồn vốn	440		899.050.122.501	854.482.022.591

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.18	689.835.710.684	644.291.568.946
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		689.835.710.684	644.291.568.946
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.19	604.944.060.075	560.270.928.769
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		84.891.650.609	84.020.640.177
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	1.462.385.969	802.805.855
7. Chi phí tài chính	22	VI.21	22.720.473.198	18.922.669.393

<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		20.315.290.078	18.608.966.005
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		0	0
9. Chi phí bán hàng	25	VI.22	4.879.284.061	5.992.900.245
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.23	43.811.086.369	51.177.964.097
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.943.192.950	10.240.415.696
12. Thu nhập khác	31		1.759.680.851	1.219.266.031
13. Chi phí khác	32		1.085.236.601	780.700.375
14. Lợi nhuận khác	40		674.444.250	438.565.656
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.617.637.200	10.678.981.352
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.24	5.687.325.010	5.283.690.300
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.930.312.190	5.395.291.052
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		9.930.312.190	5.395.291.052
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.25	620	446

2. Báo cáo Tài chính của Công ty mẹ

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng kiểm toán (AASC).
- Địa chỉ: Số 01, Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ý kiến của kiểm toán viên: Báo cáo Tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 2 tại thời điểm 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG CÔNG TY MẸ (PHẦN TÀI SẢN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Số TT	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		625.810.495.664	634.833.904.015
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.03	70.449.752.891	46.852.975.462
1	Tiền	111		70.449.752.891	37.752.975.462
2	Các khoản tương đương tiền	112			9.000.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.04	178.227.000	16.521.399.600
1	Chứng khoán kinh doanh	121		1.188.774.090	13.188.774.090
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh	122		(1.010.547.090)	(10.767.374.490)

	doanh				
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			14.100.000.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		244.345.984.101	232.434.472.054
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.05	171.336.211.603	141.504.786.656
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.005.728.231	8.854.725.451
5	Các khoản phải thu khác	136	V.06	60.392.327.687	83.785.552.728
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.388.283.420)	(1.710.592.781)
IV	Hàng tồn kho	140	V.08	296.761.202.724	319.400.783.875
1	Hàng tồn kho	141		296.761.202.724	319.400.783.875
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		14.075.328.948	19.724.273.024
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	442.026.112	702.315.412
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.630.812.065	19.021.957.612
4	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.12	2.490.771	
B	Tài sản dài hạn	200		121.246.718.895	115.611.593.813
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		2.498.643.000	5.532.268.800
1	Phải thu dài hạn khác		V.06	2.498.643.000	5.532.268.800
II	Tài sản cố định	220		46.144.229.636	36.645.521.393
1	Tài sản cố định hữu hình	221		46.144.229.636	35.645.521.393
	- Nguyên giá	222		249.276.607.537	242.563.068.493
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(203.132.377.901)	(206.917.547.100)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	11.207.392.822	8.935.641.471
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		11.207.392.822	8.935.641.471
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.04	58.373.530.000	60.369.420.909
1	Đầu tư vào công ty con	251		47.243.530.000	47.243.530.000
2	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.130.000.000	13.125.890.909
VI	Tài sản dài hạn khác	260		3.022.923.437	5.128.741.240
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	3.022.923.437	5.128.741.240
	Tổng cộng tài sản	270		747.057.214.559	750.445.497.828

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ (PHẦN NGUỒN VỐN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Số TT	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C	Nợ phải trả	300		549.999.229.909	549.338.683.209
I	Nợ ngắn hạn	310		426.992.488.209	427.165.092.180
1	Phải trả người bán	311	V.11	87.063.104.700	79.725.404.642
2	Người mua trả tiền trước	312		71.047.322.364	116.589.054.573
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	7.511.487.525	15.170.239.836

4	Phải trả người lao động	314		15.282.752.869	17.190.894.467
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	9.330.893.214	18.214.041.481
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	16.031.075.347	20.510.538.482
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	220.725.852.190	158.644.212.256
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			1.120.706.443
II	Nợ dài hạn	330		123.006.741.700	122.173.591.029
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	123.006.741.700	122.173.591.029
D	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		197.057.984.650	201.106.814.619
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	197.057.984.650	201.106.814.619
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		144.235.360.000	144.235.360.000
	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>144.235.360.000</i>	<i>144.235.360.000</i>
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		15.704.407.780	15.704.407.780
3	Quỹ đầu tư phát triển	418		22.991.698.298	22.452.169.193
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.126.518.572	18.714.877.646
	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>5.945.190.636</i>	<i>9.417.327.989</i>
	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>8.181.327.936</i>	<i>9.297.549.657</i>
	Tổng cộng nguồn vốn	440		746.057.214.559	750.445.497.828

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY MẸ Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.18	533.698.089.081	490.062.886.605
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		533.698.089.081	490.062.886.605
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.19	470.346.567.589	426.460.931.783
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		63.351.521.492	63.601.954.822
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	2.848.692.302	2.979.668.521
7. Chi phí tài chính	22	VI.21	18.807.175.460	13.761.219.750
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>16.401.992.340</i>	<i>13.067.516.362</i>
8. Chi phí bán hàng	25		2.287.353.970	1.564.342.564
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.22	32.375.610.699	36.743.732.193
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.730.073.665	14.512.328.836

12. Thu nhập khác	31		1.759.680.730	562.422.031
13. Chi phí khác	32		621.101.449	493.510.910
14. Lợi nhuận khác	40		1.138.579.281	68.911.121
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.868.652.946	14.581.239.957
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5.687.325.010	5.283.690.300
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.181.327.936	9.297.549.657

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2015 của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 nhằm cung cấp các thông tin cần thiết về tổ chức quản lý điều hành, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2015 cũng như các kế hoạch, định hướng và giải pháp thực hiện trong năm 2016 và các năm tiếp theo của Công ty tới tất cả các quý vị cổ đông và nhà đầu tư. Công ty Cổ phần Sông Đà 2 hy vọng rằng với bản Báo cáo này sẽ cung cấp được phần lớn những thông tin mà quý vị cổ đông, nhà đầu tư quan tâm muốn nghiên cứu, tìm hiểu về Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn các Quý vị cổ đông và các Nhà đầu tư.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- HĐQT Công ty;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng giám đốc;
- Website Công ty;
- Lưu TCKT, TCHC.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Văn Giang